

Bản án số: 145/2024/DS-ST
Ngày: 20 - 8- 2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Xuân Tùng
- Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1973. Nơi cư trú: 259/2 ấp TP, xã TP, huyện TP, tỉnh BT.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Đặng Huỳnh N, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp ANA, xã AT, huyện TP, tỉnh BT. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Bé H, sinh năm: 1976 và ông Phạm Văn Vũ P, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: 177/2 ấp TL, xã TP, huyện TP, tỉnh BT (vắng mặt không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Đặng Huỳnh N trình bày:*

Vào khoảng năm 2022 bà Trương Thị Bé H có tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi

Dây thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng, hụi khai ngày 25/9/2022 (al), ngày mãng không nhớ, hụi có 21 hụi viên, bà Bé H tham gia 01 phần đã hốt hụi sống còn nợ lại 05 tháng hụi chết là 10.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai Hụi 2.000.000 đồng, hụi khai ngày 25/7/2023 (al), hụi mãng, hụi có 21 hụi viên, bà Bé H tham gian 01 phần đã hốt hụi sống còn nợ lại 15 tháng hụi chết là 30.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Bé H còn nợ lại bà L 40.000.000 đồng. Từ ngày chốt số tiền nợ trên bà Bé H không có đóng hụi chết cho bà L cho đến nay. Khi bà Bé H chơi hụi với bà L là để có vốn xoay sở cuộc sống gia đình chung, ông Vũ P là chồng bà Bé H có biết việc bà Bé H có tham gia góp hụi với bà L

Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Bé H và ông Phạm Văn Vũ P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng.

**Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Trương Thị Bé H trình bày:*

Bà là vợ ông Phạm Văn Vũ P bà và ông P có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, chúng tôi đang sống chung tại ấp TL, xã TP

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian bà chơi hụi, số dây hụi tôi tham gia, số hụi viên, ngày khai hụi và ngày mãng hụi. Dây hụi thứ nhất khai ngày 25/9/2022 (al) bà hốt hụi sống còn nợ bà L lại 10.000.000 đồng hụi chết, dây hụi thứ hai khai ngày 25/7/2023 (al) bà hốt hụi sống còn nợ bà L lại 30.000.000 đồng hụi chết, như vậy hiện nay bà còn nợ lại của bà L là 40.000.000 đồng tiền hụi. Do bà làm ăn thất bại nên vẫn chưa trả được số tiền trên cho bà L. Mục đích bà chơi hụi để có vốn xoay sở cuộc sống gia đình, thường ngày bà chơi hụi ông Vũ P không tham gia chơi hụi cùng, bà cũng không nói cho ông Vũ P biết bà có chơi hụi bà L.

Nay bà L khởi kiện bà thì bà đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng, nhưng do bà đang khó khăn nên xin trả dân mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nào hết số tiền nợ trên.

Bị đơn ông Phạm Văn Vũ P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Bé H và ông Phạm Văn Vũ P trả tiền hụi nên xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố

tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Trương Thị Bé Hai và ông Phạm Văn Vũ Phương có nơi cư trú tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về tố tụng: Bà Trương Thị Bé H và ông Phạm Văn Vũ P được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Huỳnh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Bé H và ông Phạm Văn Vũ P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 40.000.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng góp hụi được xác lập giữa nguyên đơn Nguyễn Thị L với bị đơn Nguyễn Thị L được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bé H thống nhất với lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn về thời gian bà chơi hụi, số dây hụi bà tham gia, số hụi viên, ngày khai hụi và ngày mãng hụi và bà Bé H thừa nhận hiện nay bà còn nợ nguyên đơn bà L số tiền 40.000.000 đồng tiền hụi đến nay chưa trả được. Vì vậy, nguyên đơn không cần phải chứng minh cho số tiền 40.000.000 đồng mà bị đơn còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của mình được quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[5] Đối với yêu cầu xin trả dần số tiền nợ của bị đơn bà Trương Thị Bé H: Hội đồng xét xử xét thấy khi thực hiện giao dịch dân sự giữa bà Bé H và nguyên đơn bà L không có thỏa thuận trả dần khoản tiền nợ và đồng thời bà Bé H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà L trong một thời gian dài nên yêu cầu của bà Bé H không được chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị L buộc trách nhiệm liên đới giữa bà Trương Thị Bé H và ông Phạm Văn Vũ P: Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng hợp đạt hợp lệ thông báo giao nộp chứng cứ số 1189/2024/TB-TA cho ông P nhưng ông P không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Bé H thừa nhận bà và ông P là vợ chồng hiện đang sống chung nhà, bà Bé H tham gia chơi hụi để có vốn xoay sở cuộc sống gia đình. Nên theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng. Hội đồng

xét xử xét thấy khi bà Bé H thực hiện giao dịch dân sự với bà L thì bà Bé H và ông P là vợ chồng được pháp luật công nhận tức việc bà Bé H chơi hụi của bà L được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Bé H và ông P số tiền vay để phục vụ kinh tế gia đình chung nên cần buộc trách nhiệm liên đới của ông P cùng bà Bé H trả số tiền vay cho bà L là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, việc bà L yêu cầu bà Bé H và ông P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi 40.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà Trương Thị Bé H và ông Phạm Văn Vũ P. Buộc bà Trương Thị Bé H và ông Phạm Văn Vũ P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000076 ngày 09/4/2024.

Bà Trương Thị Bé H và ông Phạm Văn Vũ P có nghĩa vụ liên đới nộp 2.000.000 đồng.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (2b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú(1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy